

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2025/DS-ST
Ngày 09-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Rực

Ông Hà Hùng Kiệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Khánh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2025/TLST - DS ngày 22 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2025/QĐXXST - DS ngày 30 tháng 7 năm 2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V); địa chỉ: Tầng A (tầng trệt) và Tầng B, Tòa nhà S - A P, phường S, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Hứa Thế L – chức vụ: Nhân viên; Địa chỉ: Số A - 02 khu A, TTTM phức hợp Cần Thơ C, khu V, phường H, thành phố Cần Thơ. (Theo Giấy uỷ quyền số 267644.25 ngày 03/9/2025) (Vắng mặt)

Bị đơn: Ông Đỗ Quốc D, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp L, xã Đ, thành phố Cần Thơ (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2025 cũng như tại phiên tòa, người đại diện uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần Q (V) có ký kết với ông Đỗ Quốc D những nội dung như sau:

Hợp đồng tín dụng số 3993436.19 ngày 05/11/2019 (HĐTD) và theo Hợp đồng thế chấp số 9656500.19 ngày 05/11/2019:

+ Khoản tín dụng số tiền: 719.000.000 (Bảy trăm mười chín triệu) đồng.

+ Thời hạn: 96 tháng.

+ Phương thức cho vay: Cho vay từng lần.

+ Mục đích cấp tín dụng: Để đáp ứng nhu cầu về mua xe ô tô Mazda 620G AT GL2, biển số 83A – 090.50 theo Hợp đồng mua bán xe số 534/2019/HĐMB – MAZDA/CNTĐ ngày 18/10/2019, xe mới, mua xe để tiêu dùng của Bên được cấp tín dụng.

Tài sản thế chấp để đảm bảo cho các hợp đồng cho vay trên là: Xe ô tô hiệu Mazda 620G AT GL2, Biển số đăng ký: 83A-090.50, theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015043 do Công an tỉnh S cấp ngày 04/11/2019. Trước đây phần tài sản thế chấp đang do ông Đỗ Quốc D quản lý, sử dụng. Hiện nay, chúng tôi không biết tài sản thế chấp này ở đâu, vì phía Ngân hàng không liên lạc được với ông Đỗ Quốc D.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần Q (V) yêu cầu Toà án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ giải quyết: Buộc ông Đỗ Quốc D phải trả ngay toàn bộ số tiền cho ngân hàng tạm tính đến ngày 09/9/2025 tổng cộng là: 393.445.955 đồng, trong đó, tổng nợ gốc là: 316.850.000 đồng; lãi trong hạn là: 51.035.275 đồng; lãi quá hạn: 25.560.680 đồng. Ngoài ra, ông D còn phải chịu lãi quá hạn theo mức lãi suất đã thỏa thuận của các Hợp đồng nêu trên từ ngày 10/9/2025 cho đến khi trả hết số nợ vay cho Ngân hàng.

Trường hợp ông D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu kê biên, phát mại tài sản thế chấp là: Xe ô tô hiệu Mazda 620G AT GL2, Biển số đăng ký: 83A-090.50, theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015043 do Công an tỉnh S cấp ngày 04/11/2019 để thanh toán cho Ngân hàng.

Trong trường hợp ông D thanh toán xong các khoản nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q (V) sẽ hoàn trả Bản chính 015043 do Phòng C1 Công an Tỉnh S cấp ngày 04/11/2019 cấp cho ông Đỗ Quốc D.

Tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ lập ngày 29/7/2025 bị đơn ông Đỗ Quốc D trình bày: Ông không có yêu cầu phản tố trong vụ án này. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông thừa nhận có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V) theo hợp đồng tín dụng như đơn khởi kiện của Ngân hàng, với số tiền vay: 719.000.000 (Bảy trăm mười chín triệu) đồng, thời hạn vay: 96 tháng; ông đã thanh toán được một phần trong suốt quá trình vay. Việc vay tiền nhằm mục đích mua xe, ông có thể chấp chiếc xe ô tô hiệu Mazda 620G AT GL2, Biển số đăng ký: 83A-090.50, nhằm bảo đảm cho khoản vay. Trong suốt quá trình vay, ông cũng đã thanh toán cho Ngân hàng

được một phần. Hiện ông thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền gốc lãi tạm tính đến ngày 27/7/2025 là: 316.850.000 (Ba trăm mười sáu triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng) – theo tin nhắn qua điện thoại Ngân hàng gửi cho ông vào ngày 27/7/2025. Ông chỉ thừa nhận số nợ 316.850.000 đồng, nhưng không đồng ý thanh toán.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông không đồng ý thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn lãi tạm tính đến ngày 13/3/2025 là 360.739.240 đồng, trong đó gốc là 316.950.000 đồng; Nợ lãi: 35.921.296 đồng; Lãi quá hạn: 7.867.944 đồng, với lý do hiện tại chiếc xe đã bị mất trộm. Ông không biết xe hiện nay ở đâu, nên không thể giao xe trả lại Ngân hàng.

Trường hợp Ngân hàng yêu cầu phát mãi xe theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết, thì ông đồng ý cho Ngân hàng phát mãi.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Đỗ Quốc D trả cho Ngân hàng TMCP Q (V) số tiền vay tín dụng gốc 316.850.000 đồng; lãi trong hạn tính đến ngày 09/9/2025 51.035.275 đồng; lãi quá hạn: 25.560.680 đồng. Ông Đỗ Quốc D còn phải chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 10/9/2025. Ngân hàng TMCP Q (V) có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng mua bán xe số 534/2019/HĐMB – MAZDA/CNTĐ ngày 18/10/2019 là ô tô Mazda 620GAT GL2, Biển số đăng ký: 83A-090.50, theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015043 do Công an tỉnh S cấp ngày 04/11/2019 cho ông Đỗ Quốc D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Đỗ Quốc D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó HĐXX căn cứ vào khoản 2, Điều 227, Điều 228 và khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đỗ Quốc D.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q (V) (gọi tắt là Ngân hàng) yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 09/9/2025, với tổng số tiền vốn lãi là: 393.445.955 đồng, trong đó, tổng nợ gốc là: 316.850.000 đồng; lãi trong hạn là: 51.035.275 đồng; lãi quá hạn: 25.560.680 đồng. Ngoài ra, ông D còn phải chịu lãi quá hạn theo mức lãi suất đã

thỏa thuận của các Hợp đồng nêu trên từ ngày 10/9/2025 cho đến khi trả hết số nợ vay cho Ngân hàng.

[2.1] Đề chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn có cung cấp: Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ (Bút lục 12); Hợp đồng tín dụng số 3993436.19 ngày 05/11/2019 (HĐTD) (bút lục 13-14); phía dưới mục “ *Bên được cấp tín dụng*” có chữ ký và chữ viết của ông Đỗ Quốc D.

[2.2] Xét thấy: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và ông Đỗ Quốc D được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Về hình thức, nội dung các văn bản này là phù hợp theo quy định của pháp luật; đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đỗ Quốc D cũng thừa nhận có vay vốn của Ngân hàng với số tiền gốc 719.000.000 (Bảy trăm mười chín triệu) đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, các tình tiết nêu trên là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án, nên Hội đồng xét xử khẳng định ông D đã vay và nhận đủ của Ngân hàng số tiền gốc 719.000.000 (Bảy trăm mười chín triệu) đồng. Sau khi được Ngân hàng giải ngân theo hợp đồng thì ông D không thanh toán đúng hạn tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết. Do vậy, việc ông D không thực hiện nghĩa vụ trả dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng là đã vi phạm thỏa thuận mà các bên đã ký kết, ông D là người có lỗi, là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết. Vì vậy, việc nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc còn lại là: 316.850.000 đồng và lãi là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi thì tại mục 6 Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ (Bút lục 12), giữa Ngân hàng và ông D đã giao kết mức lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,9%/năm được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng; hết thời gian này lãi suất sẽ điều chỉnh lại 03 tháng 01 lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,1%/năm, nên ông D phải có nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng theo giao kết là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, ông D phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng tính từ ngày ký hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm 09/9/2025 với số lãi trong hạn: lãi trong hạn là: 51.035.275 đồng; lãi quá hạn: 25.560.680 đồng và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả xong nợ gốc.

Như vậy, bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng dư nợ tính đến ngày xét xử 09/9/2025 với số tiền 393.445.955 đồng, trong đó, tổng nợ gốc là: 316.850.000 đồng; lãi trong hạn là: 51.035.275 đồng; lãi quá hạn: 25.560.680 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 10/9/2025 cho đến khi hoàn trả xong nợ gốc.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thực

hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo hợp đồng thế chấp đã ký kết, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Đối với Hợp đồng thế chấp số 9656500.19 ngày 05/11/2019 (bút lục 18 - 23). Tài sản thế chấp, cụ thể:

Xe ô tô hiệu Mazda 620GAT GL2, Biển số đăng ký: 83A-090.50, theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015043 do Công an tỉnh S cấp ngày 04/11/2019 cấp cho ông Đỗ Quốc D.

[4.2] Theo Biên bản xác minh (Bút lục 59 - 60) địa phương cung cấp thông tin: “ *Hiện ông D không có mặt tại địa phương. Chiếc Xe ô tô hiệu Mazda 620GAT GL2, Biển số đăng ký: 83A-090.50 – do ông Đỗ Quốc D đứng tên thì địa phương không rõ*”

[5] Từ những phân tích nêu trên đã đủ cơ sở khẳng định ông D đã tự nguyện dùng tài sản của mình là Chiếc Xe ô tô biển số đăng ký 83A-090.50, nhãn hiệu MAZDA theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015043 do Phòng C1 Công an Tỉnh S cấp ngày 04/11/2019 thuộc sở hữu của ông D để thế chấp cho Ngân hàng, nhằm bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của ông D. Mặt khác về nội dung và hình thức của các hợp đồng thế chấp nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 117, Điều 299 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 18, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn phải chịu 19.672.298 (Mười chín triệu, sáu trăm bảy mươi hai ngàn, hai trăm chín mươi tám) đồng án phí dân sự sơ thẩm; Nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 235, Điều 244; Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, Điều 280, Điều 299, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 1 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ Điều 8, Điều 22, Điều 24 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Căn cứ Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q (V).

Buộc bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn dư nợ tính đến ngày xét xử với vốn lãi là 393.445.955 đồng, trong đó nợ gốc là: 316.850.000 đồng; lãi trong hạn là: 51.035.275 đồng; lãi quá hạn: 25.560.680 đồng và bị đơn còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 10/9/2025 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

[2] Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q (V), thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 9656500.19 ngày 05/11/2019. Cụ thể: Chiếc Xe ô tô biển số đăng ký 83A-090.50, nhãn hiệu MAZDA theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015043 do Phòng C1 Công an Tỉnh S cấp ngày 04/11/2019 cấp cho ông Đỗ Quốc D.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q (V) trong trường hợp ông D thanh toán xong các khoản nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q (V) sẽ hoàn trả Bản chính 015043 do Phòng C1 Công an Tỉnh S cấp ngày 04/11/2019 cấp cho ông Đỗ Quốc D.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Đỗ Quốc D phải chịu 19.672.298 (Mười chín triệu, sáu trăm bảy mươi hai ngàn, hai trăm chín mươi tám) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q (V) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 9.018.481 (Chín triệu, không trăm mười tám ngàn, bốn trăm tám mươi mốt) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009344 ngày 21/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 – Cần Thơ).

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

[5] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ
(Phòng GD,KT, TTr &THA);
- VKSND khu vực 9 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 9 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tăng Triều Vũ Hà